

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 29/06/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghi.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2021/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST – DS ngày 25 tháng 05 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hoàng A – sinh năm 1999; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc D – sinh năm 1999; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phan Thị Hoàng A trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc D sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặt khác còn không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh D không chung thủy và cuộc sống chung

không có hạnh phúc nên chị Ánh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2018. Cháu N sinh ra trước khi anh chị kết hôn nhưng là con chung của anh chị. Thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu N ở cùng với chị A. Nay ly hôn chị A đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và chị yêu cầu anh D phụ cấp dưỡng đối với cháu N là 1.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Tại đơn đề nghị không tiến hành hòa giải chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu anh D cấp dưỡng đối với cháu N.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh D không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Ngọc D hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Xuân M ở xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Ngọc D và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh D thông qua bố đẻ anh D là ông Nguyễn Xuân M. Ông M cho biết bản thân anh D cũng đã biết việc chị A khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh D không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Hoàng A ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Hồng A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2018 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc D không phải cấp dưỡng đối với cháu N và anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Phan Thị Hoàng A nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Hoàng A có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D có nơi cư trú tại: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hoàng A và anh Nguyễn Ngọc D có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Hoàng A và anh Nguyễn Ngọc D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau, thậm chí cả hai đã không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Thực tế anh chị đã mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân nhau, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh D không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh D bỏ mặc, không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở xóm 5 và Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Chị A và anh D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Xuân M tại xóm 5 xã L và được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cả hai vợ chồng còn trẻ tuổi nên khi về chung sống đã thường xuyên cãi vã nhau. Sau đó thì chị A bế con về nhà bố mẹ đẻ ở T ở chỉ còn anh D ở cùng với gia đình ông M. Nay chị A xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh D đã phát sinh mà không có biện pháp nào để khắc phục, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án là cơ hội để cho anh chị có thể về đoàn tụ thì anh D lại không có mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không thiện chí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến việc Tòa án không thể tiến hành các thủ tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị A và anh D có một con chung cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2018. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu N do chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị A có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu N và không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N. Về phía anh D không có ý kiến gì về việc giải quyết và các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc giao con sau khi ly hôn. Do cháu N còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi về nguyên tắc phải giao cho mẹ. Nay để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt và tâm lý của cháu nên giao cháu N cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do chị A không yêu cầu nên anh Nguyễn Ngọc D không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị Hoàng A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hoàng A và anh Nguyễn Ngọc D được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2018 cho chị Phan Thị Hoàng A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Ngọc D không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Hoàng A phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004402 ngày 02 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã L.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Trần Thị Khanh**